

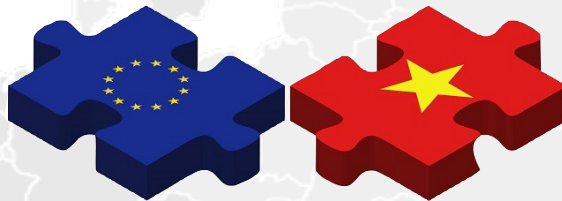
BỘ CÔNG THƯƠNG



CHUYÊN SAN

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

SỐ QUÝ 4/2025





Đơn vị thực hiện:

Vụ Phát triển Thị trường nước ngoài
Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng, Nghĩa Đô, Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

3 - 24 THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Năm 2025, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU tăng trưởng tích cực
- Đông Âu là thị trường xuất khẩu nhiều tiềm năng của Việt Nam
- Xuất khẩu nông sản sang EU tăng gần 50%, lần đầu vượt mốc 5 tỷ USD
- Xuất khẩu giày dép sang EU duy trì tăng trưởng khả quan trong năm 2025

25 - 29 THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

- Hoạt động thương mại của EU dự báo sẽ tăng trưởng khả quan trong năm 2026

30 - 32 THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- EU tăng cường kiểm tra và giám sát nhập khẩu nông sản – thực phẩm
- EU đạt thỏa thuận hoàn thực hiện luật chống phá rừng EUDR thêm một năm





Trong báo cáo Dự báo kinh tế mùa thu 2025, Ủy ban châu Âu (EC) đánh giá kinh tế EU năm 2025 duy trì đà tăng ổn định hơn dự kiến, bất chấp căng thẳng thương mại và địa chính trị có nhiều biến động. Theo EC, tốc độ tăng trưởng kinh tế của EU trong ba quý đầu năm 2025 đã vượt dự báo trước đó, nhờ hoạt động xuất khẩu gia tăng trước thời điểm chính sách thuế của Hoa Kỳ có hiệu lực, cùng với nhu cầu nội địa tiếp tục được củng cố.

Trong đó, hoạt động thương mại của EU quý IV/2025 tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực. Theo ước tính của Eurostat, trong tháng 10/2025, thặng dư thương mại của EU với thị trường ngoài khối đạt 14,7 tỷ Euro, cao gấp nhiều lần so với mức 3,1 tỷ Euro của tháng 10/2024, chủ yếu do nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu trong tháng này. Tính chung 10 tháng năm 2025, cán cân thương mại của EU với thị trường ngoài khối duy trì trạng thái tích cực với thặng dư 116,7 tỷ Euro, tăng nhẹ so với mức 116,3 tỷ Euro của cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường ngoài khối đạt 2.215,3 tỷ Euro, tăng 2,6% so với 10 tháng năm 2024; Nhập khẩu đạt 2.098,6 tỷ Euro, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU cũng duy trì xu hướng tích cực nhờ những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA. Việt Nam tiếp tục củng cố vị trí là đối tác thương mại lớn nhất của EU

trong khu vực ASEAN. Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 66,8 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2024. Ước tính, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt khoảng 73 tỷ USD trong cả năm 2025, tăng 6,6% so với năm 2024. Năm 2025, Việt Nam tiếp tục xuất siêu sang EU khoảng 38,7 tỷ USD, tăng so với mức 35 tỷ của năm 2024.

Năm 2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng khi kinh tế khu vực tiếp tục cải thiện. Trong Dự báo kinh tế mùa thu 2025, EC dự báo GDP thực tế của EU sẽ tăng trưởng 1,4% trong năm 2025 và 2026 và tăng nhẹ lên 1,5% vào năm 2027. Lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục giảm vào năm 2025, 2026 và giảm xuống còn 2,2% vào năm 2027. Các khảo sát gần đây cũng cho thấy niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng đang dần được cải thiện. Đây sẽ là các yếu tố thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng và nhập khẩu tại EU trong năm 2026, theo đó hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU. Tuy nhiên, trong năm 2026, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ không còn được hưởng lợi thế về giá khi giá hàng hóa dự báo khó có thể tiếp tục tăng mạnh so với mức nền cao của năm 2025. Do đó, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU khả năng sẽ tăng chậm lại trong nửa đầu năm 2026.

Năm 2025, quan hệ thương mại giữa VIỆT NAM VÀ EU

tăng trưởng tích cực



Năm 2025, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và EU tăng trưởng khả quan, bất chấp kinh tế khu vực đối mặt với nhiều khó khăn.

Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch thương mại hai

chiều giữa Việt Nam và EU đạt 66,8 tỷ USD, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2024. Ước tính, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt khoảng 73 tỷ USD trong cả năm 2025, tăng 6,6% so với năm 2024. Năm 2025, Việt Nam tiếp tục xuất siêu sang EU khoảng 38,7 tỷ USD, tăng so với mức 35 tỷ của năm 2024.

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – EU

	11 tháng năm 2025 (triệu USD)	So với 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng trong tổng cả nước (%)
Thương mại hai chiều	66.783	6,6	8,0
Việt Nam xuất khẩu tới EU	51.160	7,9	11,9
Việt Nam nhập khẩu từ EU	15.623	2,6	3,8
Cán cân thương mại	35.538		

Nguồn: Cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Trong 11 tháng năm 2025, EU tiếp tục là một trong những thị trường xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam với kim ngạch đạt 51,16 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2024. EU là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 3 của Việt Nam trong 11 tháng năm 2025, sau Hoa Kỳ và Trung Quốc. Mặc dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường EU các tháng cuối năm chậm lại đáng kể khiến tăng trưởng xuất khẩu cả năm giảm xuống mức 1 con số, nhưng đây là mức tăng khả quan trong bối cảnh kinh tế khu vực đối mặt với nhiều khó khăn và trước mức nền cao của năm 2024. Kết quả này cũng cho thấy lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết của Hiệp định EVFTA đã phát huy vai trò giúp gia tăng khả năng cạnh tranh đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Tính chung 11 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các

thị trường lớn trong khối EU tăng so với cùng kỳ năm 2024, trong khi xuất khẩu sang Bỉ, Ailen, Đan Mạch, Slovenia, Phần Lan, Bungari, Luxembourg, Croatia, Sip, Manta giảm.

Hà Lan là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng năm 2025, với kim ngạch đạt 12,2 tỷ USD, tăng 3 % so với cùng kỳ năm 2024. Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Hà Lan ổn định so với cùng kỳ năm trước ở mức 25% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang EU. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan tăng trong bối cảnh kinh tế nước này tăng mạnh hơn dự kiến, bất chấp những bất ổn cũng như căng thẳng thương mại. Theo Báo cáo Dự báo Mùa thu, do Ngân hàng Trung ương Hà Lan (DNB) công bố, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Hà Lan dự kiến sẽ tăng 1,7% vào năm 2025. Chỉ tiêu hộ gia đình và chi tiêu chính phủ tăng là động lực

thúc đẩy kinh tế Hà Lan trong năm 2025. Cùng với đó, việc các công ty của Hoa Kỳ đẩy mạnh nhập khẩu để tránh bị ảnh hưởng bởi thuế quan đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Hà Lan vào năm 2025 cũng là yếu tố hỗ trợ nền kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng này nhiều khả năng sẽ không diễn ra trong những năm 2026, khiến kinh tế Hà Lan được dự báo sẽ tăng trưởng chậm ở mức khoảng 1,2% vào năm 2026 và 1,1% vào năm 2027. Nhưng nhu cầu tiêu dùng nhiều khả năng vẫn được hỗ trợ bởi lạm phát tiếp tục giảm từ mức 3,0% năm 2025 xuống 2,4% năm 2026 và 2,3% năm 2027. Cùng với đó, mức tăng lương bình quân đang vượt xa lạm phát, thúc đẩy thu nhập thực tế của các hộ gia đình sẽ hỗ trợ tăng trưởng tiêu dùng cá nhân tại Hà Lan.

Với thị trường Đức, thị trường xuất khẩu hàng hoá lớn thứ 2 của Việt Nam trong EU, trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 8,6 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Đức tăng trưởng khả quan khi nhu cầu nhập khẩu hàng hoá của nước này tăng. Theo Cơ quan thống kê Đức, trong 10 tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Đức đạt 1.139,3 tỷ Euro, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2024. Dự báo, năm 2026, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đức nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng nhờ sự phục hồi của nền kinh tế. Theo dự báo của Ngân hàng Trung ương Đức (Bundesbank), sau nhiều năm suy giảm, kinh tế Đức sẽ dần phục hồi trong thời gian tới, mặc dù tốc độ tăng trưởng ban đầu sẽ chậm, nhưng sau đó sẽ dần tăng tốc. Theo đó Bundesbank dự đoán, GDP của Đức dự kiến sẽ tăng 0,6% vào năm 2026 và tăng 1,3% vào năm 2027.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới các thị trường trong khối EU 11 tháng năm 2025

Thị trường	11 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)
Tổng	51.160.301	7,9	100,0	100,0
Hà Lan	12.189.696	3,0	23,8	25,0
Đức	8.589.655	19,2	16,8	15,2
Italia	4.834.954	6,2	9,5	9,6
Tây Ban Nha	3.761.802	1,2	7,4	7,8
Pháp	3.686.603	18,5	7,2	6,6
Bỉ	3.287.737	-5,4	6,4	7,3
Ba Lan	3.133.786	11,9	6,1	5,9
Áo	2.464.619	28,3	4,8	4,1
Séc	1.871.587	15,4	3,7	3,4
Slovakia	1.558.993	1,0	3,0	3,3
Thụy Điển	1.187.780	24,9	2,3	2,0
Hungary	728.309	13,0	1,4	1,4
Ireland	709.570	-23,1	1,4	1,9
Bồ Đào Nha	503.337	0,0	1,0	1,1
Hy Lạp	426.107	19,5	0,8	0,8
Đan Mạch	381.061	-4,8	0,7	0,8
Romania	374.180	7,7	0,7	0,7
Slovenia	341.149	-7,6	0,7	0,8
Lít va	287.013	75,4	0,6	0,3
Latvia	269.703	14,8	0,5	0,5
Phần Lan	143.915	-25,4	0,3	0,4
Bungaria	136.301	-23,8	0,3	0,4
Luxembourg	102.775	-32,2	0,2	0,3
Croatia	68.456	-16,3	0,1	0,2
Síp	52.596	-12,8	0,1	0,1
Estonia	52.472	11,6	0,1	0,1
Malta	16.145	-22,2	0,0	0,0

Nguồn: Cục Hải quan

Về mặt hàng, trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khả quan.

Với nhóm hàng công nghệ: 11 tháng năm 2025, xuất khẩu 2 nhóm hàng chủ lực là máy vi tính, sản phẩm điện tử và điện thoại các loại tăng trưởng tích cực. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam sang EU 11 tháng năm 2025 đạt 8,8 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện tháng 11 tháng đầu 2025 sang EU đạt 6,48 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện của Việt Nam sang EU tăng khi nhu cầu tiêu dùng của thị trường tăng trở lại. Theo báo cáo giám sát thị trường điện thoại thông minh của Counterpoint Research, thị trường điện thoại thông minh EU đã tăng trưởng trở lại trong quý 2/2025 sau khởi đầu không khả quan của quý 1, ghi nhận mức tăng trưởng 4% so với cùng kỳ năm 2024. Mặc dù kinh tế và căng thẳng địa chính trị vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt là việc áp dụng các quy định môi trường mới của EU, sự ra mắt của các thiết bị mới và chiến dịch quảng bá mạnh mẽ đã thúc đẩy thị trường điện thoại thông minh tại EU tăng trưởng trở lại.

Nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng: Kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại và hàng dệt may của Việt Nam sang EU cũng tăng trưởng nhờ nhu cầu nhập khẩu của thị trường tăng. Theo thống kê của Eurostat, trong 10 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu hàng may mặc của EU từ thị trường ngoài khối đạt 75,9 tỷ Euro, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2024; Nhập khẩu giày dép các loại đạt 19,7 tỷ Euro, tăng 3,4%. Với mức tăng trưởng xuất khẩu trong 11 tháng năm 2024 của hàng may mặc Việt Nam sang EU là 11,1% và giày dép là 5,9%, cao hơn tốc độ tăng trưởng nhập khẩu của thị trường, cho thấy nhóm sản phẩm này của Việt Nam có lợi thế cạnh tranh nhất định.

Với mặt hàng dệt may: số liệu thống kê của Eurostat cho thấy Việt Nam đang có khả năng cạnh tranh tốt tại thị trường này so với các thị trường cung cấp khác như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ... Theo đó, kim ngạch nhập

khẩu hàng may mặc của EU từ Việt Nam 10 tháng năm 2025 tăng 10,7%; trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 7,2%, nhập khẩu từ Bangladesh tăng 9,5%, Ấn Độ tăng 8,8%. Tuy nhiên, Campuchia và Pakistan đang nổi lên là 2 thị trường cung cấp hàng dệt may có tốc độ tăng trưởng cao cho EU trong 10 tháng năm 2025 với tốc độ tăng trưởng lần lượt 16,1% và 11,2%.



Nhóm hàng nông sản: Xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang EU trong 11 tháng năm 2025 tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm trước. Cà phê là mặt hàng nông sản có kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường EU cao nhất, đạt 580,4 nghìn tấn, trị giá 3,2 tỷ USD, tăng 21,5% về lượng và tăng 69,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; xuất khẩu hạt điều đạt 134,6 nghìn tấn, trị giá 954,4 triệu USD, tăng 1,9% về lượng và tăng 23,8% về trị giá; xuất khẩu hàng rau quả đạt 320,6 triệu USD, tăng 49,7%; xuất khẩu hạt tiêu đạt 32,8 nghìn tấn, trị giá 244,5 triệu USD, giảm 14,7% về lượng nhưng tăng 13,6% về trị giá... Trong năm 2025, xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang EU hầu hết tăng trưởng khả quan một phần là do được hưởng lợi về giá. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2025 đạt 5,519 USD/tấn, tăng 39,3% so với cùng kỳ năm trước; Giá xuất khẩu hạt điều tăng 21,5% lên 7.088 USD/tấn; Giá xuất khẩu hạt tiêu tăng 33,1% lên 7.461 USD/tấn.

Mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU 11 tháng năm 2025

Mặt hàng	11 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng		51.160.301		7,9
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		8.821.234		13,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		6.393.469		-0,1
Giày dép các loại		5.481.079		5,9
Điện thoại các loại và linh kiện		6.483.858		8,4
Hàng dệt, may		4.282.570		11,1
Cà phê	580.422	3.203.593	21,5	69,2
Phương tiện vận tải và phụ tùng		1.373.244		17,5
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		908.357		5,0
Hàng thủy sản		1.033.686		11,6
Hạt điều	134.644	954.413	1,9	23,8
Sắt thép các loại	1.885.989	1.278.050	-30,7	-34,0
Sản phẩm từ chất dẻo		615.518		1,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		518.676		12,4
Sản phẩm từ sắt thép		695.254		15,3
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận		445.087		11,5
Kim loại thường khác và sản phẩm		274.301		56,2
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện		323.530		-18,1
Hàng rau quả		320.609		49,7
Hạt tiêu	32.774	244.534	-14,7	13,6
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		159.921		-6,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		187.795		-8,5
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		160.764		-5,5
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		96.835		12,8
Sản phẩm gốm, sứ		66.566		4,2
Chất dẻo nguyên liệu	245.884	241.416	2,6	-6,7
Sản phẩm từ cao su		85.874		-19,9
Hóa chất		44.703		-27,2
Xơ, sợi dệt các loại	24.150	75.258	2,5	2,4
Dây điện và dây cáp điện		33.606		2,1
Sản phẩm hóa chất		30.936		30,3
Cao su	57.147	105.833	-21,9	-17,8
Vải màn, vải kỹ thuật khác		43.347		-13,0
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ		22.232		-19,7

Mặt hàng	11 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Gạo	30.897	23.548	13,3	7,1
Giấy và các sản phẩm từ giấy		4.032		50,7
Chè	602	1.647	-21,5	-13,0
Than các loại	34.127	8.318	-41,9	-49,3
Hàng hóa khác		6.116.605		1,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Theo thống kê của Cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ EU đạt 15,6 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Việt Nam tăng nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Đức, Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Bỉ, Thụy Điển, Ba Lan, Đan Mạch..., giảm nhập khẩu từ Ai Len, Phần Lan, Romania...

Cơ cấu thị trường cung cấp hàng hoá cho Việt Nam trong EU 11 tháng năm 2025 có nhiều biến động khi tỷ trọng nhập khẩu từ Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bỉ... tăng, trong khi tỷ trọng nhập khẩu từ Ai Len, Italia... giảm.

Thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong EU 11 tháng năm 2025

Thị trường	11 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)
Tổng	15.622.706	2,6	100,0	100,0
Đức	3.670.630	7,3	23,5	22,5
Ai Len	3.023.683	-11,4	19,4	22,4
Pháp	1.852.401	5,4	11,9	11,5
Italia	1.825.180	1,5	11,7	11,8
Tây Ban Nha	749.772	14,7	4,8	4,3
Hà Lan	724.883	1,7	4,6	4,7
Áo	441.183	6,2	2,8	2,7
Bỉ	705.083	16,5	4,5	4,0
Ba Lan	423.337	20,8	2,7	2,3
Thụy Điển	450.795	15,1	2,9	2,6
Đan Mạch	256.615	20,0	1,6	1,4
Romania	140.032	-3,3	0,9	1,0
Hungary	214.232	3,2	1,4	1,4
Séc	219.159	5,6	1,4	1,4
Phần Lan	191.650	-3,7	1,2	1,3
Bồ Đào Nha	141.854	-6,8	0,9	1,0
Slovenia	93.299	-7,2	0,6	0,7
Bungaria	67.867	-3,4	0,4	0,5

Thị trường	11 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)
Luxembourg	66.593	-19,2	0,4	0,5
Hy Lạp	105.664	4,4	0,7	0,7
Croatia	68.136	70,3	0,4	0,3
Slovakia	66.530	18,9	0,4	0,4
Lít va	32.620	21,6	0,2	0,2
Latvia	23.715	17,7	0,2	0,1
Síp	26.341	-37,9	0,2	0,3
Estonia	18.195	-11,1	0,1	0,1
Malta	23.254	-10,3	0,1	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về mặt hàng, trong 11 tháng năm 2025, Việt Nam vẫn chủ yếu nhập khẩu máy móc, thiết bị, dược phẩm và nguyên liệu cho sản xuất từ thị trường EU. Trong đó, nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; dược phẩm; phương tiện vận tải khác và phụ tùng; nguyên phụ liệu dệt, may, da giày... tăng, trong khi nhập khẩu sản phẩm hóa chất, hóa chất, chất dẻo nguyên liệu, gỗ và sản phẩm gỗ... giảm.

Trong nhóm sản phẩm tiêu dùng, kim ngạch nhập khẩu nhiều mặt hàng cũng tăng mạnh trong 11 tháng năm 2025 như: sữa và sản phẩm sữa, thủy sản, hàng điện gia dụng và linh kiện. Trong khi nhập khẩu chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, chế phẩm thực phẩm khác tăng nhẹ.



Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường EU 11 tháng năm 2025

Mặt hàng	11 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng		15.622.706		2,6
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		3.071.308		10,3
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		3.082.538		-8,6
Dược phẩm		2.095.370		1,3
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng		382.037		22,7
Sản phẩm hóa chất		589.092		-8,0
Sữa và sản phẩm sữa		329.767		41,7
Hóa chất		315.696		-27,7

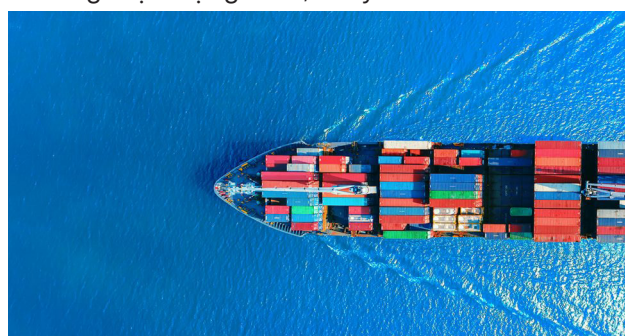
Mặt hàng	11 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		264.863		2,5
Chất dẻo nguyên liệu	62.864	205.898	5,0	-5,7
Sản phẩm từ sắt thép		214.101		29,7
Sản phẩm từ chất dẻo		184.552		10,2
Vải các loại		163.456		-6,7
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		149.225		11,6
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh		126.309		0,2
Gỗ và sản phẩm gỗ		194.130		-6,0
Linh kiện, phụ tùng ô tô		126.826		29,3
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		98.220		4,0
Giấy các loại	77.233	95.981	28,7	29,8
Sắt thép các loại	27.683	73.823	78,4	14,4
Chế phẩm thực phẩm khác		100.694		5,0
Phân bón các loại	130.758	54.003	3,6	3,2
Ô tô nguyên chiếc các loại	912	43.653	252,1	133,8
Kim loại thường khác	7.208	53.866	-3,0	10,3
Hàng thủy sản		35.816		76,9
Xơ, sợi dệt các loại	12.743	38.368	54,7	51,9
Sản phẩm từ cao su		42.174		2,2
Sản phẩm khác từ dầu mỏ		26.410		44,5
Dây điện và dây cáp điện		26.210		7,7
Sản phẩm từ kim loại thường khác		21.834		36,0
Nguyên phụ liệu thuốc lá		4.507		-11,1
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		12.216		-6,3
Hàng điện gia dụng và linh kiện		14.644		9,5
Cao su	6.697	17.514	-8,4	-14,5
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		75.014		33,6
Nguyên phụ liệu dược phẩm		17.916		-36,2
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh		25.482		9,3
Quặng và khoáng sản khác	3.805	10.394	61,0	70,7
Sản phẩm từ giấy		3.702		33,6
Phế liệu sắt thép	83	40		
Điện thoại các loại và linh kiện		33		-48,1
Hàng hóa khác		3.235.023		5,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

ĐÔNG ÂU LÀ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU nhiều tiềm năng của Việt Nam

Năm 2025 xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Đông Âu là một điểm sáng với tốc độ tăng trưởng tích cực, cơ cấu hàng hóa ngày càng đa dạng. Dù còn một số thách thức, nhưng với lợi thế từ EVFTA, tiềm năng tăng trưởng kinh tế và nhu cầu tiêu dùng mạnh mẽ, khu vực Đông Âu sẽ tiếp tục được xác định là thị trường trọng điểm và giàu tiềm năng đối với xuất khẩu hàng hoá Việt Nam trong những năm tới.

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 11 tháng năm 2025, thương mại hàng hóa của Việt Nam với các thị trường thuộc khu vực Đông Âu đạt 10,19 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu đạt 8,8 tỷ USD và nhập khẩu ở mức 1,37 tỷ USD, cán cân thương mại thặng dư 7,45 tỷ USD.



Về thị trường, Ba Lan là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại khu vực Đông Âu, với kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 3,13 tỷ USD tính đến hết tháng 11/2025, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2024,

Tiếp theo là các thị trường CH Séc, Slovakia và Hungary, đạt kim ngạch xuất khẩu lần lượt là 1,87 tỷ USD, 1,56 tỷ USD và 728,3 tỷ USD tăng lần lượt 15,4%, 1% và 12,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thống kê cho thấy, xuất khẩu của Việt Nam sang 8/11 thị trường thuộc khu vực Đông Âu ghi nhận tăng trưởng, chỉ có 3 thị trường giảm gồm Slovenia (giảm 7,6%), Bungari (giảm 23,8%) và Croatia (giảm 16,3%).

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Đông Âu cũng ghi nhận tăng trưởng ở 7/11 thị trường trong khu vực. Trong đó, nhập khẩu từ các thị trường chủ lực như Ba Lan tăng 20,7%, CH Séc tăng 5,4%, Hungary tăng 3,2%...

Kết quả trên cho thấy các doanh nghiệp 2 bên đang khai thác tương đối hiệu quả các ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA.

Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với thị trường Đông Âu

Thị trường	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Cán cân thương mại (nghìn USD)	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng xuất nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng xuất nhập khẩu	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2025
Ba Lan	3.133.786	423.337	3.557.123	11,9	20,7	12,9	2.450.218	2.710.449
Cộng Hoà Séc	1.871.587	219.159	2.090.746	15,4	5,4	14,2	1.414.288	1.652.428
Slovakia	1.558.993	66.530	1.625.522	1,0	19,4	1,6	1.487.801	1.492.463
Hungary	728.309	214.232	942.541	12,9	3,2	10,6	437.380	514.077
Rumani	374.180	140.032	514.212	7,7	-3,4	4,5	202.397	234.148
Slovenia	341.149	93.299	434.448	-7,6	-7,2	-7,5	268.478	247.850
Lítva	287.013	32.620	319.633	75,4	21,6	67,8	136.824	254.393
Látvia	269.703	23.715	293.419	14,8	17,7	15,0	214.844	245.988
Bungari	136.301	67.867	204.168	-23,8	-3,0	-18,0	108.964	68.434

Thị trường	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Cán cân thương mại (nghìn USD)	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng xuất nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng xuất nhập khẩu	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2025
Croatia	68.456	68.136	136.592	-16,3	70,3	12,2	41.756	321
Estonia	52.472	18.195	70.668	11,5	-11,1	4,7	26.580	34.277
Tổng	8.821.949	1.367.122	10.189.071	9,8	9,8	9,8	6.789.529	7.454.827

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về hàng hóa xuất khẩu:

Các doanh nghiệp Việt Nam đã chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong các ngành xuất khẩu chủ lực như dệt may, điện tử và thủy sản, qua đó đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường.

Trong 11 tháng năm 2025, các mặt hàng máy móc và công nghệ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Đông Âu.

Dẫn đầu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với kim ngạch đạt gần 2,98 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tới hơn 1/3 (33,7%) tỷ trọng. Đứng thứ hai là máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, đạt 1,55 tỷ USD, tăng 8,1% và chiếm 17,6%. Tiếp đến là điện thoại các loại và linh kiện đạt 866,89 triệu USD, tăng 8,9% và chiếm 9,8%. Tổng cộng ba mặt hàng kể trên chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đông Âu.

Các mặt hàng công nghiệp chế biến khác cũng đạt mức tăng trưởng khá tích cực như giày dép các loại tăng 3,5%, phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 26,6%, hàng dệt may tăng 20,3%, sắt

thép tăng 69%...

Ngoài ra, xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đông Âu cũng bứt phá mạnh. Cụ thể, cà phê tăng 60,6% về lượng và 94,1% về kim ngạch; hạt điều tăng 27% về lượng và 55,4% về kim ngạch, gạo tăng 6,9% về lượng và 5,9% về kim ngạch, cao su tăng đột biến 751,9% về lượng và 505,5% về kim ngạch; kim ngạch thủy sản cũng tăng 15,4%.



Triển vọng xuất khẩu:

Trong bối cảnh thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ gia tăng, Đông Âu được đánh giá là thị trường tiềm năng cho xuất khẩu Việt Nam.

Các quốc gia Đông Âu có nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa từ các quốc gia ngoài EU, đặc biệt là Việt Nam đang gia tăng. Các mặt hàng như quần áo, giày dép từ Việt Nam có thể dễ dàng tìm thấy chỗ đứng nhờ vào chất lượng sản phẩm và giá cả cạnh tranh. Thực phẩm chế biến sẵn, trong đó

thực phẩm hữu cơ và thực phẩm truyền thống của Việt Nam đang thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng.

Với Hiệp định EVFTA, doanh nghiệp Việt Nam có thể xuất khẩu sang Đông Âu với thuế suất giảm mạnh, tạo lợi thế lớn so với các nhà cung ứng khác ngoài EU. Hơn nữa, khu vực này đóng vai trò như một cửa ngõ quan trọng vào EU, giúp sản phẩm Việt Nam dễ dàng tiếp cận với nhiều thị trường EU khác.



Theo số liệu của Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), trong 9 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu hàng hóa của khu vực Đông Âu đạt 1.034 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2024. Đáng chú ý, Việt Nam đứng đầu khu vực Đông Nam Á về xuất khẩu hàng hóa vào Đông Âu, với mức tăng trưởng vượt trội 27,4%, đạt 8,35 tỷ USD. Thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu hàng hóa của Đông Âu theo đó cũng tăng từ 0,7% lên 0,8%.

Việc gia nhập EU của nhiều quốc gia Đông Âu như Ba Lan, Hungary, Rumania và các nước Baltic đã góp phần đáng kể vào việc cải thiện hiệu quả kinh tế. Nguồn vốn từ EU được sử dụng để nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa ngành công nghiệp và cải thiện quản trị, khiến các quốc gia này ngày càng hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư.

Ba Lan đã trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất châu Âu. Thị trường nội địa lớn, lực lượng lao động có tay nghề cao và môi trường kinh doanh thuận lợi đã giúp Ba Lan trở thành điểm đến quan trọng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tương tự, các quốc gia Baltic như Estonia, Latvia và Litva đã đạt được sự phát triển nhanh chóng trong lĩnh vực công nghệ, nhờ sự hỗ trợ từ EU và đầu tư vào hạ tầng số.

Theo Eurostat, trong những năm gần đây, tăng trưởng kinh tế tại khu vực Đông Âu luôn duy trì ở mức cao hơn so với tăng trưởng chung của

EU. Đơn cử như tại Ba Lan, tăng trưởng kinh tế dự kiến đạt 3,2% năm 2025 và dự báo sẽ tiếp tục duy trì mức tăng mạnh 3,5% vào năm 2026, nhờ được hỗ trợ bởi các khoản đầu tư tăng lên từ nguồn tài trợ của EU.

GDP của Cộng hòa Séc dự kiến tăng lên mức 2,4% trong năm 2025, trước khi giảm xuống 1,9% vào năm 2026, và sau đó tăng tốc trở lại lên 2,4% vào năm 2027. Tiêu dùng tư nhân được dự báo sẽ là động lực chính của tăng trưởng, nhờ tăng lương thực tế và việc các hộ gia đình giảm tỷ lệ tiết kiệm.

Tại Hungary, sau hai năm kinh tế dậm chân tại chỗ, GDP của Hungary dự kiến sẽ phục hồi 0,4% vào năm 2025 và tăng khoảng 2% vào năm 2026 và 2027, được thúc đẩy bởi tiêu dùng và sự phục hồi của đầu tư và xuất khẩu.

Chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ và sự chuyển hướng xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường mới, đặc biệt là Đông Âu mở ra nhiều cơ hội. Các quốc gia Đông Âu được kỳ vọng sẽ là những đối tác quan trọng giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường và tăng trưởng xuất khẩu trong những năm tới.

Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các quốc gia khác trong và ngoài khu vực, đặc biệt là từ các nhà sản xuất trong EU và các quốc gia Đông Âu.

Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Đông Âu trong 11 tháng năm 2025

Mặt hàng	11 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng theo kim ngạch (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2025
Tổng kim ngạch xuất khẩu		8.821.949		9,8	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		2.975.358		13,1	32,7	33,7
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác		1.552.876		8,1	17,9	17,6
Điện thoại các loại và linh kiện		866.891		8,9	9,9	9,8
Giày dép các loại		215.491		3,5	2,6	2,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng		214.117		26,6	2,1	2,4
Hàng dệt, may		171.981		20,3	1,8	1,9
Cà phê	20.600	162.794	60,6	94,1	1,0	1,8
Sản phẩm từ sắt thép		154.322		69,0	1,1	1,7
Hàng thủy sản		125.547		15,4	1,4	1,4
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện		106.471		-41,7	2,3	1,2
Chất dẻo nguyên liệu	102.708	103.711	-16,8	-22,6	1,7	1,2
Sắt thép các loại	101.032	86.046	37,4	20,3	0,9	1,0
Hạt điều	11.030	80.548	27,0	55,4	0,6	0,9
Sản phẩm từ chất dẻo		64.092		7,8	0,7	0,7
Kim loại thường khác và sản phẩm		61.057		10,0	0,7	0,7
Xơ, sợi dệt các loại	19.940	58.267	8,4	7,8	0,7	0,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		32.819		41,3	0,3	0,4
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù		28.487		30,2	0,3	0,3
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		27.610		-20,2	0,4	0,3
Vải màn, vải kỹ thuật khác		20.901		0,5	0,3	0,2
Hạt tiêu	1.739	11.511	-46,7	-36,5	0,2	0,1
Hàng rau quả		11.465		14,5	0,1	0,1
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		9.832		-0,8	0,1	0,1
Gạo	11.174	8.508	6,9	5,9	0,1	0,1
Sản phẩm từ cao su		4.113		-6,9	0,1	0,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		1.217		18,6	0,0	0,0
Chè	417	602	-25,4	-29,6	0,0	0,0
Cao su	230	419	751,9	505,5	0,0	0,0
Hóa chất		103			0,0	0,0
Hàng hóa khác		1.664.792		3,8	20,0	18,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về hàng hóa nhập khẩu:

Số liệu cho thấy cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam từ khu vực Đông Âu trong 11 tháng năm 2025 tập trung chủ yếu vào các nhóm hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng thiết yếu. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 252,3 triệu USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ và chiếm 18,5% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Nhóm dược phẩm đứng thứ hai với kim ngạch 81,53 triệu USD, chiếm 6% nhưng giảm 2,9% so với cùng kỳ. Ngược lại, nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 26,2%, đạt 41,1 triệu USD.

Đáng chú ý, nhập khẩu nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt gần 40 triệu USD, tăng tới 48%, cho thấy xu hướng mở rộng nhập khẩu các sản phẩm công nghệ cao từ khu vực này. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy Đông Âu không chỉ cung cấp hàng hóa truyền thống mà còn ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng công nghệ của Việt Nam.

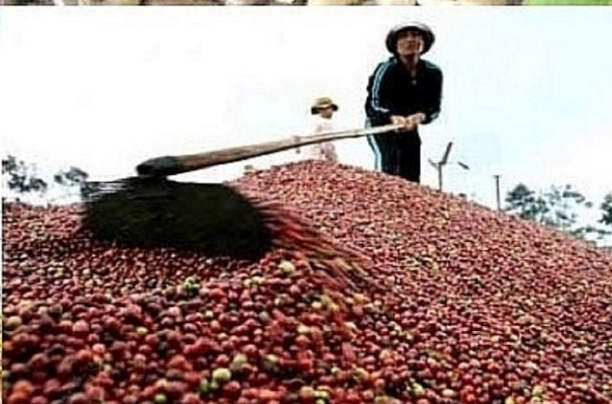
Cơ cấu nhập khẩu từ Đông Âu phản ánh xu hướng đa dạng hóa nguồn cung, tập trung vào các mặt hàng có giá trị gia tăng và phục vụ trực tiếp cho sản xuất – tiêu dùng trong nước, qua đó góp phần củng cố quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và khu vực này.

Hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam sang thị trường Đông Âu trong 11 tháng năm 2025

Mặt hàng	11 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo kim ngạch (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2025
Tổng kim ngạch nhập khẩu		1.367.122		9,8	100,0	100,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		252.306		9,5	18,5	18,5
Dược phẩm		81.534		-2,9	6,7	6,0
Sữa và sản phẩm sữa		41.150		26,2	2,6	3,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		39.941		48,0	2,2	2,9
Sản phẩm hóa chất		18.657		13,3	1,3	1,4
Sản phẩm từ sắt thép		14.226		11,3	1,0	1,0
Hàng thủy sản		9.324		52,4	0,5	0,7
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh		7.449		-17,7	0,7	0,5
Chế phẩm thực phẩm khác		6.572		-2,2	0,5	0,5
Kim loại thường khác	1.796	5.949	103,2	-19,4	0,6	0,4
Hóa chất		3.882		-7,1	0,3	0,3
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		1.861		-28,3	0,2	0,1
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		1.291		2,0	0,1	0,1
Gỗ và sản phẩm gỗ		868		-63,7	0,2	0,1
Sắt thép các loại	235	600	43,3	107,6	0,0	0,0
Cao su	152	287	1.589	921,7	0,0	0,0
Hàng hóa khác		881.224		10,0	64,4	64,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG EU tăng gần 50%, lần đầu vượt mốc 5 tỷ USD



Kết thúc năm 2025, hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu ghi nhận những bước tiến vượt bậc cả về khối lượng lẫn kim ngạch. Sự chuyển dịch mạnh mẽ từ xuất khẩu thô sang các sản phẩm chế biến sâu, cùng nỗ lực tuân thủ nghiêm ngặt những tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe, đã tạo lập xung lực mới, giúp nông sản Việt từng bước khẳng định uy tín thương hiệu bền vững tại một trong những thị trường khó tính nhất thế giới.

Số liệu thống kê cho thấy, tính đến hết tháng 11/2025, tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU đạt 5,1 tỷ USD, tăng mạnh 48,2% so với cùng kỳ năm 2024. Đây cũng là con số cao nhất ghi nhận được kể từ trước đến nay và dự kiến hết năm 2025 có thể cán mốc 5,4 tỷ USD, đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng chung trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực.

Bên cạnh đà tăng trưởng về kim ngạch, một tín hiệu tích cực mang tính nền tảng trong năm 2025 là việc số lượng cảnh báo vi phạm về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) từ phía EU đối với nông sản Việt Nam đã giảm gần 50% so với năm 2024 (từ 114 xuống còn 60 cảnh báo), theo số liệu từ Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về SPS Việt Nam.

Kết quả này phản ánh sự chuyển biến trong tư duy quản lý và sản xuất của cả cơ quan chức năng và cộng đồng doanh nghiệp. Đáng chú ý, tư duy tiếp cận thị trường của doanh nghiệp Việt cũng đang có sự đổi mới. Không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm nhà nhập khẩu, nhiều đơn vị đã chủ động thiết lập hiện diện thương mại, xây dựng kho ngoại quan và hệ thống logistics ngay tại EU. Cách làm này giúp tối ưu hóa chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian giao hàng và đảm bảo sự lưu thông ổn định của hàng hóa.

Tuy nhiên, EU vẫn là thị trường có hệ thống tiêu chuẩn thuộc nhóm cao nhất thế giới, với các quy định thường xuyên được cập nhật, điển hình như Quy định chống phá rừng (EUDR) và các yêu cầu liên quan đến chuyển đổi xanh, phát triển bền vững. Do đó, doanh nghiệp cần tiếp tục đầu tư bài bản vào hệ thống truy xuất nguồn gốc, minh bạch hóa dữ liệu vùng trồng và kiên định với chiến lược phát triển bền vững dài hạn. Việc chuyển từ tư duy “tìm kiếm thị trường” sang “xây dựng và phát triển thị trường” sẽ là yếu tố then chốt giúp nông sản Việt Nam củng cố vị thế và duy trì đà tăng trưởng bền vững tại EU trong thời gian tới.

Trong khối EU, hiện Đức đang là thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng năm 2025 với kim ngạch đạt 1,5 tỷ USD, tăng 70,4% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm 29,5% thị phần.

Tiếp đến là các thị trường Hà Lan, Tây Ban Nha, Italia, với kim ngạch lần lượt là 998,3 triệu USD, 724,11 triệu USD và 708,7 triệu USD, tăng 36%, 50,3% và 33,2%. Ngoài ra, xuất khẩu sang các thị trường lớn khác như Bỉ, Pháp, Ba Lan, Litva, Bồ Đào Nha... cũng tăng mạnh ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái.

Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các thị trường trong khối EU trong 11 tháng năm 2025

Thị trường	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Thị phần 11 tháng năm 2024 (%)	Thị phần 11 tháng năm 2025 (%)
Đức	1.502.416	70,4	25,6	29,5
Hà Lan	998.302	36,0	21,3	19,6
Italia	724.115	50,3	14,0	14,2
Tây Ban Nha	708.694	33,3	15,5	13,9
Bỉ	305.125	66,2	5,3	6,0
Pháp	264.692	24,9	6,2	5,2
Ba Lan	225.390	58,6	4,1	4,4
Litva	95.747	43,1	1,9	1,9
Hy Lạp	76.001	22,3	1,8	1,5
Bồ Đào Nha	68.796	29,3	1,5	1,4
Rumani	34.602	66,1	0,6	0,7
Thụy Điển	21.892	82,6	0,3	0,4
Đan Mạch	13.344	87,7	0,2	0,3
Bungari	12.190	202,4	0,1	0,2
CH Séc	10.820	14,7	0,3	0,2
Látvia	7.492	60,6	0,1	0,1
Estonia	6.112	-13,8	0,2	0,1
Croatia	5.872	-37,9	0,3	0,1
Slovenia	4.080	129,0	0,1	0,1
Phần Lan	3.060	-24,9	0,1	0,1
Âi Len	1.618	34,8	0,0	0,0
Síp	1.209	112,3	0,0	0,0
Hungary	1.172	-83,4	0,2	0,0

Thị trường	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Thị phần 11 tháng năm 2024 (%)	Thị phần 11 tháng năm 2025 (%)
Manta	368	1.492,0	0,0	0,0
Slovakia	339	126,3	0,0	0,0
Áo	229	694,1	0,0	0,0
Tổng	5.093.675	48,2	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Nhu cầu tiêu thụ tại thị trường EU đang phục hồi mạnh mẽ, tạo đà tăng trưởng ấn tượng cho nhiều nhóm hàng nông sản chủ lực của Việt

Nam, đặc biệt là ba mặt hàng chính gồm cà phê, hạt điều và rau quả.

Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2025

Chủng loại	11 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng theo kim ngạch (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2025
Cà phê	580.422	3.203.593	5.519	21,5	69,2	39,3	55,1	62,9
Hạt điều	145.420	1.029.073	7.077	2,1	23,9	21,3	24,2	20,2
Hàng rau quả		433.397			55,1		8,1	8,5
Cao su	65.961	122.582	1.858	-18,9	-14,0	6,0	4,1	2,4
Hạt tiêu	32.774	244.534	7.461	-14,8	13,6	33,3	6,3	4,8
Gạo	75.262	58.850	782	-15,2	-21,5	-7,5	2,2	1,2
Chè	602	1.647	2.736	-22,8	-13,0	12,7	0,1	0,0
Tổng		5.093.676			48,2		100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Cà phê: Trong 11 tháng năm 2025, cà phê chiếm 61,2% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU, với khối lượng đạt 580.422 tấn, trị giá 3,2 tỷ USD, tăng 21,5% về lượng và 69,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Giá xuất khẩu bình quân đạt kỷ lục 5.519 USD/tấn, tăng 39,3%, phản ánh xu hướng giá cà phê thế giới duy trì ở mức cao.

EU tiếp tục là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm 41,4% về lượng và 40,4% về kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, Đức dẫn đầu về quy mô và tốc độ tăng trưởng trong khối với kim ngạch vượt 1 tỷ USD, tăng 97,5%. Ngoài ra, Italia đạt 615,8 triệu USD, tăng 52,9%; Tây Ban Nha 575,5 triệu USD, tăng 40,4%...

Kết quả này tiếp tục củng cố vị thế của Việt Nam là nhà cung cấp cà phê ngoại khối lớn thứ hai vào thị trường EU, chỉ sau Brazil, với thị phần tăng nhẹ từ 16,3% lên 16,9%.

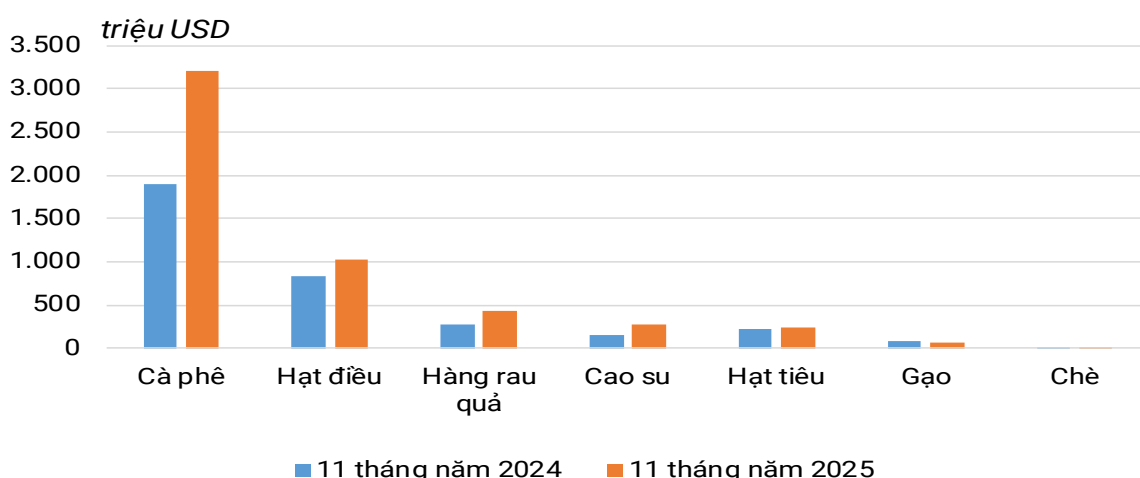
Một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng là Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA), có hiệu lực từ tháng 8/2020. Thống kê cho thấy, trong 11 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sử dụng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ước đạt khoảng 4,5 tỷ USD. Riêng kim ngạch xuất khẩu cà phê sử dụng C/O form EUR.1 theo Hiệp định EVFTA đạt khoảng 1,3 tỷ USD, cao nhất trong số các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Kết quả này phản ánh

xu hướng gia tăng xuất khẩu cà phê sang thị trường EU – khu vực có yêu cầu cao về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững. EVFTA không chỉ mang lại lợi thế về thuế suất mà còn tạo ra khung pháp lý ổn định, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu.

Triển vọng xuất khẩu cà phê Việt Nam sang EU

trong năm 2026 được đánh giá là tích cực nhờ nguồn cung gia tăng từ thu hoạch vụ mới, giá cao và ưu đãi EVFTA, đồng thời Việt Nam được EU phân loại là quốc gia “rủi ro thấp”, theo đó mà hàng xuất khẩu từ Việt Nam được kiểm tra hồ sơ và nguồn gốc ít nghiêm ngặt hơn so với các nước “rủi ro cao”. EU tiếp tục là thị trường tiêu thụ lớn, nhu cầu cà phê chế biến và bền vững gia tăng, tạo cơ hội nâng giá trị xuất khẩu.

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Hạt điều: Hạt điều là mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam sang thị trường EU. Trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu hạt điều sang EU đạt 145.420 tấn, trị giá hơn 1 tỷ USD, mặc dù chỉ tăng 2,1% về lượng so với cùng kỳ năm 2024, nhưng giá trị xuất khẩu tăng tới 23,9%. Nguyên nhân chủ yếu do giá xuất khẩu bình quân cao hơn 21,3%, đạt 7.077 USD/tấn.

Kết quả này củng cố vững chắc vị thế của Việt Nam là nguồn cung hạt điều lớn nhất cho thị trường EU, chiếm đến 71% tổng nhập khẩu hạt điều ngoại khối của khu vực. Việc duy trì và mở rộng thị phần không chỉ khẳng định năng lực cạnh tranh của hạt điều Việt Nam, mà còn cho thấy vai trò then chốt của Việt Nam trong chuỗi cung ứng hạt điều toàn cầu, đặc biệt tại các thị trường cao cấp như EU.

Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh từ các quốc gia châu Phi đang gia tăng nhanh chóng, đòi hỏi

doanh nghiệp Việt Nam phải tiếp tục đầu tư nâng cao công nghệ chế biến, tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng nghiêm ngặt hơn các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm và phát triển bền vững của EU. Đáng chú ý, xu hướng tiêu dùng tại EU ngày càng ưu tiên các sản phẩm hạt điều đã qua sơ chế, sẵn sàng sử dụng nhằm tiết kiệm thời gian và nâng cao tính tiện lợi. Đây là cơ hội quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh chế biến sâu, cải tiến mẫu mã, nâng cao giá trị gia tăng và khai thác hiệu quả hơn tiềm năng của thị trường này.

Rau quả: Mặt hàng rau quả cũng là một trong những điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh xuất khẩu sang EU năm nay. Với tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong các thị trường xuất khẩu rau quả chủ lực của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sang EU trong 11 tháng năm 2025 đã tăng hơn 55% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 433,4 triệu USD, mức kỷ lục từ trước đến nay.

Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam, tăng trưởng đột biến của xuất khẩu rau quả sang EU đến từ nhiều yếu tố. Trước hết, các ưu đãi thuế quan từ EVFTA đang phát huy hiệu quả rõ rệt, giúp rau quả Việt Nam có lợi thế cạnh tranh về giá so với các nhà cung ứng khác trong khu vực như Thái Lan, quốc gia hiện chưa có hiệp định thương mại tự do với EU. Cùng với đó, chất lượng sản phẩm được cải thiện đáng kể khi số lượng lô hàng bị EU cảnh báo vi phạm quy định an toàn thực phẩm giảm khoảng 50% so với cùng kỳ, phản ánh nỗ lực kiểm soát dư lượng và tuân thủ tiêu chuẩn của doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, xu hướng chuyển dịch sang chế biến sâu đang mở ra dư địa tăng trưởng mới cho ngành rau quả. EU ưu tiên nhập khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như nước ép, trái cây sấy và đông lạnh, thay vì chỉ tiêu thụ hàng tươi như trước. Việc đẩy mạnh chế biến không chỉ giúp doanh nghiệp kéo dài thời gian bảo quản, giảm rủi ro logistics mà còn nâng giá trị xuất khẩu trên mỗi đơn vị sản phẩm.



Dù được đánh giá là thị trường khó tính, EU đang trở thành điểm sáng trong bức tranh xuất khẩu rau quả năm 2025, với tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các thị trường lớn và tiềm năng mở rộng còn nhiều dư địa trong các năm tới.

Hiện, nhiều doanh nghiệp đơn vị chế biến lớn đang mở rộng đầu tư để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ gia tăng từ những thị trường khó tính như Hoa Kỳ, EU. Điển hình, Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (WestFood) vừa

đưa vào hoạt động nhà máy chế biến nông sản WestFood Hậu Giang, cơ sở lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long với diện tích 7 ha, vốn đầu tư 666 tỷ đồng và công suất thiết kế 30.000 tấn thành phẩm mỗi năm.

Cao su: Trái ngược với đà tăng trưởng kể trên, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2025 giảm mạnh 18,9% về lượng và 14% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 65.961 tấn, trị giá 122,6 triệu USD.

Nguyên nhân là do nhu cầu của EU có dấu hiệu chậm lại. Theo số liệu từ Eurostat, kim ngạch nhập khẩu cao su của EU đã giảm 2% trong 10 tháng năm 2025, đạt hơn 4 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam giảm tới 12,7%, với thị phần giảm từ 2,6% xuống còn 2,3% trong tổng nhập khẩu cao su ngoại khối của EU.

Còn với quy định của EUDR dự kiến đi vào áp dụng từ năm 2027, thách thức lớn nhất của ngành cao su Việt Nam nằm ở chính cấu trúc nguồn cung ứng. Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam, 63% nguyên liệu cao su đến từ các hộ tiểu điền, trong khi 37% còn lại đến từ diện tích đại điền. Điều này tạo ra một chuỗi cung ứng phức tạp, đòi hỏi việc triển khai đồng bộ các giải pháp truy xuất từ đầu chuỗi, đặc biệt là ở các hộ tiểu điền và đại lý thu mua – những mắt xích then chốt trong việc cung cấp thông tin và đảm bảo tính hợp pháp của nguyên liệu.

Hạt tiêu: Trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu sang EU đạt 32.774 tấn, trị giá 244,5 triệu USD, giảm 14,8% về lượng nhưng vẫn tăng khá mạnh 13,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, do giá duy trì ở mức cao.

Hồ tiêu và gia vị Việt Nam là hàng hóa có xuất xứ thuần túy, được trồng và chế biến hoàn toàn trong nước, khó có thể trồng hiệu quả tại nhiều quốc gia khác. Đây là lợi thế lớn khi tận dụng ưu đãi thuế quan từ các FTA. Ví dụ, tại EU, khi Việt Nam đã ký FTA, hồ tiêu và gia vị Việt Nam có ưu thế rõ ràng về thuế nhập khẩu, giúp cạnh tranh tốt hơn về giá. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kê khai, chứng từ và kỹ thuật để tránh rủi ro pháp lý và tranh chấp thương mại.

Mặc dù lượng hạt tiêu xuất khẩu sang EU giảm trong năm 2025 nhưng đây vẫn là thị trường nhiều tiềm năng của doanh nghiệp Việt Nam. Ngành công nghiệp tiêu đen tại EU được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững, với quy mô thị trường dự kiến tăng từ 426,4 triệu USD năm 2025 lên 714,7 triệu USD vào năm 2035, đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) 5,3%.

Theo dữ liệu từ Future Market Insights (FMI), tổ chức chuyên về nguồn cung nguyên liệu toàn cầu và đổi mới trong ngành thực phẩm, xu hướng tăng trưởng này phản ánh sự kết hợp của nhiều yếu tố thúc đẩy thị trường, bao gồm sự thay đổi trong xu hướng ẩm thực, sự mở rộng của ngành chế biến thực phẩm và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng đối với các loại gia vị nguyên chất, phục vụ cả nấu ăn tại gia và lĩnh vực dịch vụ ẩm thực chuyên nghiệp.

Phân khúc tiêu nguyên hạt tiếp tục giữ vị thế chủ đạo với 63% thị phần vào năm 2025, mặc dù được dự báo sẽ giảm nhẹ còn 60% vào năm 2035 khi các sản phẩm tiêu xay và tiêu nghiền ngày càng được ưa chuộng bởi nhóm người tiêu dùng tìm kiếm sự tiện lợi, cũng như các nhà sản xuất công nghiệp muốn sử dụng dạng tiêu sẵn sàng chế biến.



Gạo và chè: Cùng với mặt hàng cao su, xuất khẩu gạo và chè của Việt Nam sang thị trường EU trong năm 2025 ghi nhận mức sụt giảm đáng kể cả về lượng và giá trị, chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này suy yếu. Tuy nhiên, xét về thị phần, gạo và chè của Việt Nam vẫn ghi nhận sự cải thiện nhẹ so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy năng lực cạnh tranh của các mặt hàng này chưa bị suy giảm đáng kể.

Số liệu cũng cho thấy, trong cơ cấu xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU hiện nay, hạt điều và hạt tiêu đang chiếm thị phần vượt trội, trong khi cà phê cũng duy trì tỷ trọng ở mức khá cao. Ngược lại, phần lớn các mặt hàng nông sản khác mới chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn, qua đó cho thấy dư địa mở rộng thị phần và tăng trưởng tại thị trường EU vẫn còn tương đối lớn.

Nhập khẩu các mặt hàng nông sản của EU từ thị trường ngoại khối và thị phần của Việt Nam

Mặt hàng	10 tháng 2025				So với cùng kỳ năm ngoái (%)		Thị phần/Tổng KNNK từ ngoại khối (%)	
	Ngoại khối EU		Việt Nam		Ngoại khối EU	Việt Nam	10 tháng 2025	10 tháng 2024
	Triệu EUR	Triệu USD	Triệu EUR	Triệu USD				
Cà phê	15.548	18.244	2.631	3.087	42,9	48,4	16,92	16,29
Hạt điều	1.024	1.202	727	853	20,8	20,6	70,98	71,11
Rau quả	36.461	42.782	333	390	11,9	45,1	0,91	0,70
Hạt tiêu	376	441	237	278	33,1	30,4	63,07	64,40
Cao su	4.090	4.799	95	111	-2,0	-12,7	2,31	2,60
Gạo	1.586	1.862	57	67	-4,6	6,7	3,61	3,22
Chè	554	650	3	3	11,4	40,1	0,48	0,38

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

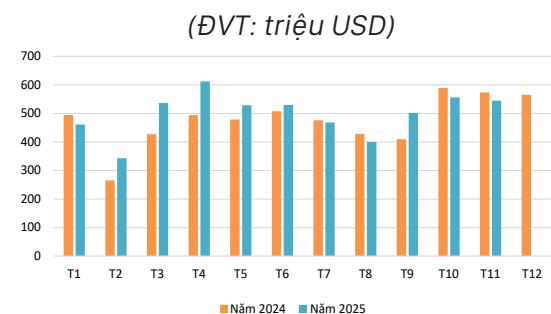
XUẤT KHẨU GIÀY DÉP SANG EU

duy trì tăng trưởng khả quan trong năm 2025

Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2025 đạt 5,541 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giày dép tiếp tục là một trong những nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU, khẳng định lợi thế cạnh tranh tại khu vực, nhờ chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao và khả năng đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường và lao động.

Ước tính năm 2025, kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam sang thị trường EU đạt khoảng 6,092 tỷ USD, tăng 3,7% so với năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU qua các tháng năm 2024-2025



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Về thị trường:

Trong 11 tháng năm 2025, EU tiếp tục là thị trường xuất khẩu giày dép lớn nhất của Việt Nam, chiếm 25,3% tỷ trọng. Trong đó, Hà Lan là thị trường nhập khẩu giày dép lớn nhất của Việt Nam trong khu vực, với kim ngạch đạt 1,667 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm 30,1% tổng kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU.

Tiếp theo là các thị trường Bỉ và Đức, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu sang hai thị trường này giảm lần lượt 5,6% và 2,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Thị trường xuất khẩu giày dép của Việt Nam tại khối EU trong 11 tháng năm 2025

Thị trường	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
			11 tháng năm 2025	11 tháng năm 2024
Tổng	5.541.330	5,6	100,0	100,0
Hà Lan	1.667.178	10,3	30,1	28,8
Bỉ	1.125.814	-5,6	20,3	22,7
Đức	664.170	-2,4	12,0	13,0
Italia	538.844	31,4	9,7	7,8
Pháp	584.593	13,1	10,5	9,9
Tây Ban Nha	476.204	1,6	8,6	8,9
Ba Lan	99.857	22,9	1,8	1,5
Thụy Điển	77.770	35,7	1,4	1,1
Cộng Hoà Séc	83.026	-9,4	1,5	1,7
Luxembua	45.338	-18,6	0,8	1,1
Hy Lạp	26.210	25,3	0,5	0,4
Đan Mạch	24.065	15,5	0,4	0,4
Slovenia	22.020	-27,2	0,4	0,6
Áo	23.882	-1,4	0,4	0,5
Bungari	6.596	-10,8	0,1	0,1
Croatia	12.050	39,3	0,2	0,2
Slovakia	12.780	-8,0	0,2	0,3
Rumani	18.533	-6,0	0,3	0,4
Phần Lan	6.342	55,8	0,1	0,1
Ai Len	6.347	-13,5	0,1	0,1
Bồ Đào Nha	4.008	44,0	0,1	0,1
Litvia	6.720	-5,7	0,1	0,1
Manta	6.400	-18,6	0,1	0,1
Hunggary	1.295	-24,1	0,0	0,0
Síp	1.168	-27,2	0,0	0,0
Lítva	117	61,2	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Trái lại, Italia nổi lên là điểm sáng với mức tăng trưởng ấn tượng. Trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu giày dép các loại sang Italia đạt 538,84 triệu USD, tăng mạnh 31,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Về mặt hàng:

Về cơ cấu mặt hàng, giày thể thao mặt hàng thế mạnh của Việt Nam chiếm ưu thế, mặt hàng này cũng có thể giúp xuất khẩu của ngành tăng trưởng nhanh và mạnh sang EU.

Các chủng loại giày dép xuất khẩu chủ lực sang EU bao gồm giày thể thao, giày dép có đế cao su/nhựa/da, giày dép có mũ vải (HS 6404), xuất khẩu trong 11 tháng năm 2025 đạt 1,726 tỷ USD, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Nhu cầu giày dép cuối năm 2025 tại EU vẫn lớn, đặc biệt các sản phẩm đáp ứng yêu cầu bền vững, có mã QR ghi rõ nguồn gốc & phát

Bên cạnh đó, trong 11 tháng năm 2025, xuất khẩu mặt hàng này sang Pháp, Tây Ban Nha, Ba Lan, Thụy Điển... đều tăng so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy xu hướng phục hồi và mở rộng thị phần tại nhiều thị trường EU.

thải. Đáng chú ý, ghi nhận trong tháng 11/2025, xuất khẩu các mặt hàng có mã HS 640220; HS 640199; HS 640510 xuất khẩu sang thị trường EU tăng mạnh so với tháng trước và cùng kỳ năm 2024. Cụ thể xuất khẩu mặt hàng giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, có dây đai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm (không bao gồm giày dép đồ chơi) (HS 640220), trong tháng 11/2025 đạt 301 nghìn USD, tăng 110,7% so với tháng 10/2025, tăng 50,1% so với tháng 11/2024. Tính chung 11 tháng năm 2025, xuất khẩu mặt hàng này đạt 1,6 triệu USD, tăng 138,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Một số mặt hàng giày dép các loại xuất khẩu sang EU trong 11 tháng năm 2025

Mã HS	Mặt hàng	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2024 (%)
640411	Giày thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và những thứ tương tự, với đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt	1.725.603	25,2
640399	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	1.247.107	-9,7
640419	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt (trừ giày thể thao, bao gồm giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và các loại tương tự, và giày đồ chơi)	993.158	5,0
640299	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm mắt cá chân hoặc có quai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm, giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	905.344	10,5
640219	Giày thể thao có đế ngoài và mũ cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng hoặc giày trượt patin)	164.401	-0,8
640391	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	277.033	-11,2
640590	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa, có mũ giày khác với cao su, nhựa, da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp, có đế ngoài bằng da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng gỗ, nút chai, bìa giấy, da thú, nỉ, rơm, xơ mướp, v.v., với mũ giày ngoài da, da tổng hợp hoặc vật liệu dệt, n.e.s.	49.302	99,3

Mã HS	Mặt hàng	11 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2024 (%)
640291	Giày dép che mắt cá chân, có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	93.362	-16,0
640319	Giày thể thao, có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và giày da (không bao gồm giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng)	27.497	31,7
640212	Giày trượt tuyết có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày chống nước thuộc nhóm 6401)	16.661	-9,7
640220	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, có dây đai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm (không bao gồm giày dép đồ chơi)	1.589	138,6
640359	Giày có đế ngoài và mũ bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, với mũ giày bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	3.669	2,6
640199	Giày không thấm nước không che mắt cá chân hay đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vện vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm mắt cá chân nhưng không phải đầu gối, giày dép kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày trượt băng có giày trượt băng hoặc giày trượt và giày thể thao và đồ chơi)	1.401	58,6
640510	Giày có đế bằng da hoặc da tổng hợp (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	4.555	290,3
640340	Giày dép, kết hợp một ngón chân kim loại bảo vệ, với đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da (trừ giày thể thao và giày chỉnh hình)	6.862	-25,3
640420	Giày có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp và mũ bằng vật liệu dệt (không bao gồm giày đồ chơi)	825	78,4
640192	Giày không thấm nước che mắt cá chân, nhưng không phải đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vện vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm kết hợp một toecap kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày thể thao và đồ chơi)	1.017	35,8
640520	Giày dép có mũ bằng vật liệu dệt (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	5.096	-17,4
640351	Giày có đế ngoài và mũ bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp với kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	1.026	-55,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Nhu cầu nhập khẩu giày dép của EU và thị phần của Việt Nam:

Theo thống kê của Eurostat, 10 tháng năm 2025, nhập khẩu giày dép các loại của EU từ thị trường ngoài khối đạt 19,7 tỷ Euro, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong 10 tháng năm 2025, Việt Nam là thị trường cung cấp giày dép các loại có tốc độ tăng trưởng kim ngạch vào EU tăng mạnh nhất, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2024, thị phần giày dép Việt Nam trong

tổng nhập khẩu của EU tăng từ 26,3% trong 10 tháng năm 2024 lên 28,3% trong 10 tháng năm 2025.

Số liệu thống kê cho thấy mặt hàng giày dép của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU có khả năng cạnh tranh tốt với các nhà cung ứng ngoài khối như Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ...

Thị trường ngoài khối cung cấp giày dép cho EU 10 tháng năm 2025

Thị trường	10 tháng năm 2025 (Nghìn Euro)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 10 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 10 tháng năm 2024 (%)
Tổng	19.736.252	3,4	100,0	100,0
Trung Quốc	7.126.595	4,8	36,1	35,6
Việt Nam	5.578.181	11,3	28,3	26,3
Indonesia	1.369.312	3,1	6,9	7,0
Ấn Độ	950.006	0,1	4,8	5,0
Campuchia	600.749	9,2	3,0	2,9
Tunisia	444.965	-4,4	2,3	2,4
Bangladesh	415.978	0,2	2,1	2,2
Albania	359.494	1,1	1,8	1,9
Anh	307.002	-10,4	1,6	1,8
Thụy Sĩ	255.060	-26,5	1,3	1,8

Nguồn: Eurostat

Trong thời gian tới, xuất khẩu giày dép Việt Nam sang EU được đánh giá tiếp tục có triển vọng tích cực, dựa trên hai yếu tố then chốt là lợi thế từ Hiệp định EVFTA và nhu cầu thị trường duy trì ở mức khá. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và các quy định mới về phát triển bền vững liên tục được cập nhật, doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung đẩy mạnh sản xuất xanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ và tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan, đặc biệt đối với các dòng sản phẩm có thiết kế hiện đại và thân thiện với môi trường, nhằm giữ vững và nâng cao vị thế tại thị trường EU.

Để đẩy mạnh xuất khẩu hơn mặt hàng này tại các thị trường lớn trong khối EU, các lưu ý về xu hướng tiêu dùng giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận tốt hơn thị trường này như:

- Nhu cầu giày dép của người dân EU thay đổi theo mùa, song giày thể thao được sử dụng nhiều nhất.

- Người EU rất chú trọng đến sự thoải mái và chất lượng của sản phẩm giày dép. Họ thích những đôi giày hỗ trợ tốt và được làm từ vật liệu chất lượng cao để đảm bảo độ bền.

- Các đôi giày có phong cách độc đáo, họa tiết lạ mắt cũng được người tiêu dùng tại đây quan tâm.

Với năng lực sản xuất khoảng 1,4 tỷ đôi/năm, da giày Việt Nam thuộc nhóm ba quốc gia hàng đầu thế giới. Nhưng để tăng cạnh tranh cho doanh nghiệp trước sự biến động thị trường EU, hiện các doanh nghiệp đang tập trung giải bài toán nguyên liệu đầu vào.

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI CỦA EU

dự báo sẽ tăng trưởng khả quan trong năm 2026

Số liệu công bố mới nhất từ Cơ quan Thống kê châu Âu cho thấy nền kinh tế Liên minh châu Âu (EU) đang ở trong trạng thái phục hồi chậm nhưng ổn định, với những tín hiệu trái chiều giữa sự khởi sắc của khu vực dịch vụ và sự trì trệ của ngành sản xuất công nghiệp. Tăng trưởng GDP toàn khu vực EU đạt 0,4% trong quý III/2025, trong đó Đan Mạch (+2,3%), Tây Ban Nha (+0,7%) là những điểm sáng tăng trưởng, trong khi đầu tàu Đức vẫn đối mặt với khó khăn khi tăng trưởng chỉ quanh mức 0% đến -0,3% trong một số giai đoạn.

Lạm phát hàng năm tại EU ổn định ở mức 2,1%, rất gần với mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB). Dự báo lạm phát được kỳ vọng sẽ dao động quanh mức 2,1% - 2,2% khi bước sang năm 2026. Tuy nhiên, giá dịch vụ vẫn còn cao (tăng 3,5% trong tháng 11/2025) là yếu tố khiến ECB thận trọng trong việc cắt giảm lãi suất sâu hơn.

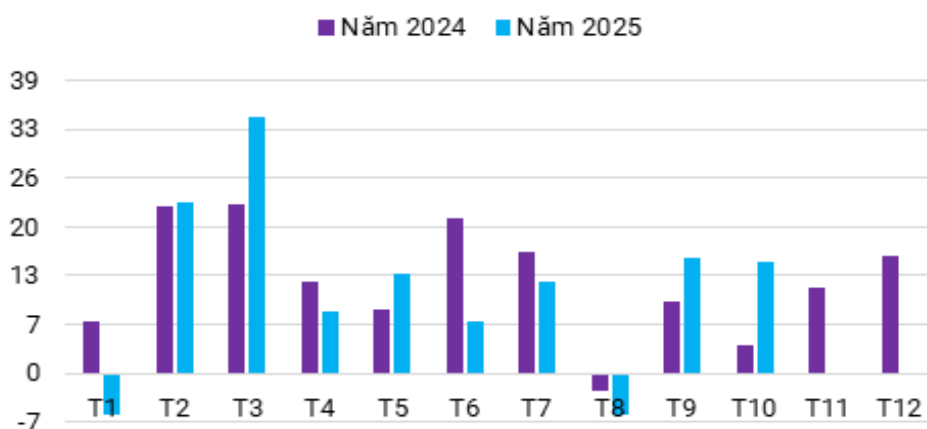
Về lãi suất và chính sách tiền tệ, sau chu kỳ cắt giảm lãi suất vào giữa năm 2025, ECB đã có xu hướng tạm dừng hoặc giảm tốc độ cắt giảm vào tháng 12/2025 để đánh giá tác động của lạm phát dịch vụ và sự bất ổn địa chính trị. Hiện đang được duy trì ở mức giúp cân bằng giữa việc hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát giá cả.

Năm 2026, GDP khu vực EU dự kiến sẽ đạt khoảng 1,1% - 1,5%. Động lực chính đến từ tiêu dùng hộ gia đình khi tiền lương thực tế tăng và lãi suất bắt đầu ngấm vào nền kinh tế. Tuy nhiên cạnh tranh thương mại với Hoa Kỳ (vấn đề thuế quan) và sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng công nghệ từ châu Á vẫn là những rủi ro thường trực.

Dựa trên các số liệu ước tính mới nhất từ Eurostat, hoạt động thương mại hàng hóa của Liên minh châu Âu (EU) với thị trường ngoại khối trong 10 tháng năm 2025 cho thấy sự phục hồi rõ rệt về thặng dư thương mại, bất chấp những biến động về xuất nhập khẩu theo từng quý.

Theo ước tính từ Eurostat, trong 10 tháng năm 2025, cán cân thương mại của EU duy trì được trạng thái tích cực. Thặng dư thương mại của EU với thị trường ngoài khối ghi nhận mức thặng dư 116,7 tỷ Euro, tăng nhẹ so với mức 116,3 tỷ Euro của cùng kỳ năm 2024. Trong đó, xuất khẩu đạt 2.215,3 tỷ Euro, tăng 2,6% so với 10 tháng năm 2024. Nhập khẩu đạt 2.098,6 tỷ Euro, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong tháng 10/2025, thặng dư thương mại đạt 14,7 tỷ Euro, cao hơn gấp nhiều lần so với mức 3,1 tỷ Euro của tháng 10/2024. Điều này chủ yếu do nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu trong tháng 10/2025.

Cán cân thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: Tỷ EUR)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu



Năm 2025, hoạt động thương mại ngoại khối của Liên minh Châu Âu (EU) tiếp tục chứng kiến sự xoay trục quan trọng giữa các đối tác lớn, đặc biệt là sự cạnh tranh vị thế giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Hiện Hoa Kỳ là đối tác thương mại quan trọng nhất của EU (chiếm thị phần 14,26% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối). Theo số liệu ước tính từ Cơ quan Thống kê châu Âu, trong 10 tháng năm 2025, EU xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ đạt 478,76 tỷ Euro (tương đương 561,76 tỷ USD), tăng 7,3%; EU nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ đạt 298,43 tỷ Euro (tương đương 350,17 tỷ USD), tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả là EU thặng dư thương mại hàng hóa với Hoa Kỳ đạt trên 180,3 tỷ EUR (tương đương 211,6 tỷ USD) trong 10 tháng đầu năm 2025.

Cơ cấu thương mại năm 2025 vẫn giữ vững các trụ cột truyền thống nhưng có sự dịch chuyển về trọng tâm công nghệ:

EU xuất khẩu sang Hoa Kỳ mặt hàng máy móc và thiết bị vận tải chiếm tỷ trọng lớn nhất (ô tô hạng sang, máy móc công nghiệp chính xác). Dược phẩm và hóa chất tiếp tục là mặt hàng thế mạnh của Đức, Pháp và Ireland. Hàng xa xỉ gồm: Rượu vang, túi xách và đồ thời trang cao cấp vẫn duy trì sức hút dù chịu thuế quan.

Trong khi đó, Hoa Kỳ xuất khẩu sang EU năng lượng: LNG (Khí đốt tự nhiên hóa lỏng) trở thành mặt hàng xuất khẩu chiến lược nhất, giúp EU thay thế hoàn toàn năng lượng Nga. Sản phẩm Công nghệ cao: Chip bán dẫn, linh kiện hàng

không và phần mềm; Nông sản: Đậu tương và ngô tiếp tục là các mặt hàng chủ chốt.

Trong khi EU có thặng dư thương mại tới hơn 180 tỷ EUR với Hoa Kỳ thì EU lại ghi nhận mức thâm hụt hơn 300,3 tỷ EUR với Trung Quốc trong 10 tháng năm 2025. Theo đó, Trung Quốc vẫn là nguồn nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của EU, chủ yếu do nhập khẩu hàng điện tử, máy móc và các thiết bị chuyển đổi năng lượng xanh (pin, xe điện).

Trong khu vực ASEAN, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của EU. Nhờ Hiệp định EVFTA, kim ngạch hai chiều trong năm 2025 đạt mức tăng trưởng tích cực, tập trung vào dệt may, giày dép và hàng điện tử.

Theo thống kê sơ bộ từ Cơ quan Thống kê châu Âu, EU xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam đạt xấp xỉ 9,7 tỷ Euro (tương đương 11,37 tỷ USD), giảm 0,9% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu hàng hóa của EU từ Việt Nam đạt xấp xỉ 52,53 tỷ Euro (tương đương 61,63 tỷ USD), tăng 14,6% so với năm 2024. Như vậy, EU có mức thâm hụt thương mại hàng hóa với Việt Nam đạt trên 42,83 tỷ EUR (tương đương 50,26 tỷ USD), cao hơn với mức của cùng kỳ năm ngoái là 36 tỷ Euro (tương đương 42,28 tỷ USD).

Từ con số trên cho thấy, trong năm 2025, quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những trục thương mại ổn định và thành công nhất của Việt Nam nhờ sự hỗ trợ đắc lực từ Hiệp định EVFTA sau 5 năm thực thi.

Cán cân thương mại của EU với thị trường ngoại khối
trong 10 tháng năm 2025

Tỷ giá 1 EUR = 1,17336 USD

Thị trường	10 tháng năm 2025				So với cùng kỳ năm ngoái (%)		Cán cân thương mại	
	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Xuất khẩu	Nhập khẩu	Triệu EUR	Triệu USD
	Triệu EUR	Triệu USD	Triệu EUR	Triệu USD				
Tổng	2.215.305	2.599.350	2.098.585	2.462.395	2,6	2,8	116.720	136.954
Hoa Kỳ	478.764	561.763	298.435	350.171	7,3	5,9	180.329	211.591
Anh	291.593	342.143	133.259	156.361	0,8	-3,2	158.334	185.782
Thụy Sĩ	183.179	214.935	120.495	141.383	13,7	7,5	62.684	73.551
Trung Quốc	164.631	193.171	464.961	545.566	-8,7	6,9	-300.330	-352.395
Thổ Nhĩ Kỳ	95.301	111.822	86.874	101.934	1,1	6,0	8.427	9.888
Nhật Bản	55.027	64.567	53.208	62.433	-0,5	-1,2	1.819	2.134
Na Uy	54.900	64.417	80.401	94.340	3,9	0,1	-25.502	-29.923
Hàn Quốc	45.014	52.818	58.611	68.772	-0,2	2,6	-13.597	-15.954
Mêhicô	44.347	52.035	27.982	32.833	-2,5	15,3	16.364	19.201
UAE	42.580	49.962	7.880	9.246	16,7	-16,2	34.700	40.716
Canada	40.830	47.909	26.295	30.854	0,8	14,3	14.535	17.055
Ấn Độ	39.512	46.362	58.166	68.250	-1,7	-2,2	-18.654	-21.888
Ukraina	37.602	44.121	17.972	21.088	10,5	-13,0	19.630	23.033
Braxin	36.082	42.337	37.019	43.436	-1,7	-3,3	-937	-1.099
Ả Rập Xê út	31.621	37.102	23.812	27.940	5,9	-20,6	7.809	9.163
Australia	30.548	35.843	8.702	10.210	-6,1	-3,0	21.846	25.633
Marôc	30.445	35.723	21.144	24.810	3,1	1,8	9.301	10.913
Đài Loan	26.029	30.542	35.821	42.031	10,9	-3,2	-9.792	-11.489
Nga	25.338	29.730	23.752	27.870	-5,7	-19,7	1.585	1.860
Singapore	24.834	29.139	14.800	17.365	-2,1	-1,6	10.034	11.773
.....								
Việt Nam	9.692	11.372	52.527	61.633	-0,9	14,6	-42.835	-50.261

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

EU nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến, nông, thủy sản và thị phần của Việt Nam

Cơ cấu hàng hóa trong năm 2025 vẫn chủ yếu tập trung vào các nhóm hàng có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao:

Nhóm điện tử và công nghệ (dẫn đầu): Điện thoại, máy tính, linh kiện điện tử và máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 40% tổng kim ngạch).

Nhóm Hàng tiêu dùng: Dệt may và Giày dép ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn khó khăn 2023-2024, đặc biệt là các dòng sản phẩm "thời trang xanh" đáp ứng tiêu chuẩn bền vững của EU.

Tuy nhiên, nhóm nông - lâm - thủy sản tiếp tục là điểm sáng:

Cà phê: Giá trị tăng trưởng 2 con số do giá thế giới cao và ưu đãi thuế.

Thủy sản: Đặc biệt là tôm và cá tra đã thích ứng tốt với các quy định khắt khe về chứng nhận nguồn gốc.

Gạo và rau quả: Xuất khẩu gạo chất lượng cao và trái cây (sầu riêng, thanh long, nhãn) sang EU tăng trưởng hai con số.

Trong bối cảnh EU thực hiện Thỏa thuận Xanh, Việt Nam có tiềm năng lớn ở các nhóm sau:

Nông sản hữu cơ và Thực phẩm chế biến: Các sản phẩm đạt chứng nhận hữu cơ (Organic), Fair Trade hoặc sản xuất bền vững sẽ có lợi thế cạnh tranh tuyệt đối.

Sản phẩm từ Gỗ (Hợp pháp & Bền vững): Khi quy định chống phá rừng (EUDR) được siết chặt, các doanh nghiệp gỗ Việt Nam đã chuẩn bị tốt về hồ sơ truy xuất nguồn gốc sẽ "chiếm lĩnh" thị phần từ các đối thủ chưa sẵn sàng.

Hàng công nghiệp phụ trợ và Xe điện: Linh kiện xe điện và các sản phẩm công nghiệp xanh đang là ưu tiên nhập khẩu của EU để thực hiện mục tiêu NetZero.

Theo tính toán từ Cơ quan Thống kê châu Âu, trong 10 tháng năm 2025, EU tăng nhập khẩu hầu hết các mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam, như : giày dép, dệt may, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản, cà phê, hạt điều, rau quả, hạt tiêu, gạo, chè. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng hầu hết các mặt hàng trên đều ghi nhận mức tăng 2 con số cho thấy có nhiều sự chuyển dịch quan trọng trong cơ cấu thương mại song phương.

EU nhập khẩu một số mặt hàng có thế mạnh từ Việt Nam trong 10 tháng năm 2025

Mặt hàng	10 tháng 2025				So với cùng kỳ năm ngoái (%)		Thị phần/Tổng KNNK từ ngoại khối (%)	
	Ngoại khối EU		Việt Nam		Ngoại khối EU	Việt Nam	10 tháng 2025	10 tháng 2024
	Triệu EUR	Triệu USD	Triệu EUR	Triệu USD				
Giày dép	19.736	23.158	5.578	6.545	3,4	11,3	28,26	26,25
Dệt may	75.908	89.068	3.632	4.262	4,6	10,7	4,78	4,52
Cà phê	15.548	18.244	2.631	3.087	42,9	48,4	16,92	16,29
Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	62.357	73.167	2.232	2.618	-1,8	-15,5	3,58	4,16
Thủy, hải sản	25.231	29.605	764	896	6,5	12,2	3,03	2,87
Hạt điều	1.024	1.202	727	853	20,8	20,6	70,98	71,11
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	14.353	16.841	648	761	1,9	16,2	4,52	3,96
Rau quả*	36.461	42.782	333	390	11,9	45,1	0,91	0,70
Hạt tiêu	376	441	237	278	33,1	30,4	63,07	64,40
Cao su	4.090	4.799	95	111	-2,0	-12,7	2,31	2,60
Gạo	1.586	1.862	57	67	-4,6	6,7	3,61	3,22
Chè	554	650	3	3	11,4	40,1	0,48	0,38

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

(*) Ghi chú : Số liệu rau quả gồm HS 06, 07, 08, 20 (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131, 080132)

Dựa trên các báo cáo kinh tế cập nhật mới nhất từ Eurostat, ECB và OECD, dự báo thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong năm 2026 sẽ chuyển từ giai đoạn "thích nghi với cú sốc" sang giai đoạn "tăng trưởng thận trọng".

Thương mại ngoại khối của EU dự kiến sẽ tăng trưởng ổn định nhưng không bùng nổ do ảnh hưởng của các rào cản chính sách mới, mức tăng khoảng 2,5% - 3,2% so với năm 2025.

Bức tranh thương mại 2026 của EU sẽ bị chi phối bởi 3 "làn sóng" lớn:

Làn sóng Thuế quan (Tác động từ Hoa Kỳ): Sau thỏa thuận tạm thời năm 2025 với mức thuế 15%, năm 2026 sẽ là giai đoạn các doanh nghiệp EU thực sự "ngấm" chi phí này. Dự báo xuất khẩu hàng gia dụng và ô tô sang Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng chậm lại, khiến EU phải đa dạng hóa sang các thị trường ASEAN và Mercosur (Nam Mỹ).

Làn sóng "Xanh hóa" (CBAM): Từ ngày 1/1/2026, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) bắt đầu áp dụng đầy đủ. Điều này sẽ làm thay đổi

Động lực chính đến từ sự phục hồi của nhu cầu nội địa tại các nền kinh tế lớn như Đức và Tây Ban Nha, giúp thúc đẩy nhập khẩu máy móc và linh kiện.

Cán cân thương mại của EU được dự báo sẽ tiếp tục duy trì thặng dư thương mại ngoại khối (ước tính đạt khoảng 140 - 150 tỷ Euro cho cả năm 2026). Thặng dư này chủ yếu đến từ xuất khẩu hàng hóa công nghệ cao, dược phẩm và thực phẩm chất lượng cao.

Đáng kể cơ cấu nhập khẩu các mặt hàng thâm dụng carbon (sắt thép, xi măng, nhôm) từ các nước ngoại khối. Những đối tác không xanh hóa kịp thời sẽ mất thị phần tại EU.

Làn sóng Tự động hóa: Việc chuyển sang chu kỳ thanh toán chứng khoán và giao dịch thương mại nhanh hơn (T+1) trong năm 2026 sẽ giúp tối ưu hóa dòng vốn, nhưng cũng đòi hỏi các đối tác ngoại khối phải hiện đại hóa hệ thống logistics và ngân hàng để bắt kịp tốc độ của EU.



EU tăng cường kiểm tra và giám sát nhập khẩu nông sản – thực phẩm

Theo thông tin từ Ủy ban châu Âu vào ngày 10/12/2025, EU sẽ triển khai một loạt biện pháp siết chặt kiểm soát đối với hàng hóa nông sản – thực phẩm nhập khẩu, bao gồm việc tăng 50% số lượng kiểm tra an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) đối với các nước thứ ba, đồng thời tăng 33% các cuộc kiểm toán tại các trạm kiểm soát biên giới của các quốc gia thành viên.

Động thái này nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm nhập khẩu tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, môi trường và phúc lợi động vật vốn áp dụng cho nông dân và doanh nghiệp trong EU. Ủy ban châu Âu cho biết một lực lượng đặc nhiệm mới sẽ được thành lập để điều phối hoạt động kiểm soát, tập trung vào dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm – thức ăn chăn nuôi và phúc lợi động vật, đồng thời thúc đẩy các chiến dịch giám sát tập trung đối với một số nhóm sản phẩm nhập khẩu.

Ủy viên phụ trách y tế và phúc lợi động vật, ông Olivér Várhelyi, khẳng định các biện pháp mới được áp dụng đồng loạt đối với tất cả các đối tác thương mại ngoài EU và việc tăng cường kiểm soát là cách EU đáp lại mối quan ngại ngày càng gia tăng của nông dân châu Âu,

những người lo ngại cạnh tranh không công bằng nếu các sản phẩm nhập khẩu không đáp ứng các tiêu chuẩn tương tự như trong khối. Theo ông Várhelyi, mục tiêu của EU là bảo đảm nông dân không phải đối mặt với sự cạnh tranh thiếu bình đẳng và rằng mọi thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo “đúng các quy định mà nông dân EU đang phải thực hiện”.

Bên cạnh việc kiểm tra SPS, Ủy ban châu Âu thông báo sẽ xem xét lại các quy định giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt đối với những chất đã bị cấm sử dụng trong EU nhưng có khả năng xuất hiện trong nông sản nhập khẩu. Một số hoạt chất đã được các tổ chức quốc tế phân loại lại, và những thay đổi này cần được cập nhật vào luật của EU. Theo Ủy ban, sáng kiến này được triển khai theo đề nghị của nông dân và với sự ủng hộ của các quốc gia thành viên, nhằm ngăn chặn nguy cơ các loại thuốc bảo vệ thực vật độc hại bị “quay trở lại” thị trường EU thông qua hàng nhập khẩu.

Ngoài ra, một phần của biện pháp áp dụng mới, Ủy ban châu Âu cũng sẽ tổ chức chương trình đào tạo nhằm tăng cường năng lực triển khai kiểm soát tại biên giới và trong hệ thống phân phối của các nước thành viên. Đồng thời, lực lượng đặc nhiệm mới sẽ cải thiện hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, bảo đảm tính nhất quán trong giám sát hàng nhập khẩu trên toàn thị trường chung EU.

Với tư cách là một trong những nhà nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm lớn nhất thế giới, EU khẳng định mục tiêu của các biện pháp lần này là củng cố hệ thống kiểm soát hiện có để bảo vệ người tiêu dùng, hỗ trợ nông dân châu Âu và bảo đảm mọi sản phẩm vào thị trường EU đều đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn nghiêm ngặt.

Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam cần đặc biệt quan tâm đến chất lượng và dư lượng hóa chất để tránh hàng hóa bị trả lại hoặc tiêu hủy tại EU, gây ảnh hưởng uy tín của công ty và phát sinh thêm các chi phí.



EU đạt thỏa thuận hoãn thực hiện luật chống phá rừng EUDR thêm một năm



Ngày 5/12/2025, các nhà đàm phán Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu đã đạt thỏa thuận hoãn thi hành Quy định chống Phá rừng EU (EUDR) thêm một năm nữa. Như vậy, EUDR được gia hạn đến ngày 31/12/2026, thay vì cuối năm nay như lộ trình ban đầu.

Chỉ trong một vòng đàm phán giữa Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu, hai bên đã chốt xong thỏa thuận trên. Đây đã là lần thứ hai EUDR được hoãn thực hiện. Trước đó, EUDR đã hoãn đến cuối năm 2025 (thay vì cuối năm 2024 như kế hoạch ban đầu) theo yêu cầu của Ủy ban châu Âu (EU) để các công ty có thêm thời gian chuẩn bị cho các nghĩa vụ tuân thủ.

Theo đó, các doanh nghiệp lớn bán ca cao, cà phê, đậu tương, dầu cọ, cao su, gia súc và gỗ cũng như các sản phẩm phái sinh vào thị trường EU được lùi hạn cuối đến ngày 31/12/2026 (thay vì cuối 2025 như quy định trước đây) để hoàn tất nghĩa vụ thẩm định chuỗi cung ứng, chứng minh không liên quan đến phá rừng, theo yêu cầu của EUDR. Doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ được cho hạn cuối đến ngày 30-6-2027 mới tuân thủ EUDR.

Thỏa thuận cũng chèn thêm một điều khoản “đánh giá lại” nhằm đơn giản hóa các quy định của EUDR, sẽ được thực hiện vào tháng 4/2026. Động thái này có thể mở đường cho việc rà soát

lại toàn bộ nội dung của EUDR để sửa đổi sâu hơn.

“Chúng tôi đặt ra hai lần ranh đỏ trong đó bao gồm tuyệt đối không chấp nhận điều khoản xem xét lại EUDR ngay trước khi luật này kịp áp dụng lần đầu”, Nghị sĩ Delara Burkhardt bày tỏ thất vọng khi yêu cầu này bị bỏ qua.

Trong khi đó, trưởng đoàn đàm phán của Nghị viện châu Âu Christine Schneider trấn an rằng điều khoản đánh giá lại EUDR không có nghĩa là toàn bộ nội dung của quy định này sẽ mở ra để sửa đổi.

Một chi tiết đáng chú ý khác là các sản phẩm in ấn (sản phẩm phái sinh từ gỗ) như sách, báo chí, tranh ảnh được loại hoàn toàn khỏi phạm vi điều chỉnh của EUDR. Đây là yêu sách mà các nghị sĩ châu Âu đã đấu tranh thành công.

“Mục đích của thỏa thuận là đơn giản hóa việc thực hiện các quy định hiện hành của EUDR và hoãn áp dụng chúng để cho phép các nhà điều hành, thương nhân và cơ quan chức năng có thời gian chuẩn bị đầy đủ”, Hội đồng châu Âu cho biết trong một tuyên bố.

Thỏa thuận trên vẫn cần được Nghị viện châu Âu và các quốc gia thành viên EU chính thức phê duyệt và công bố trên công báo của EU để có hiệu lực.

EU giám sát xuất nhập khẩu phế liệu kim loại

Ủy ban châu Âu (EC) đã kích hoạt hệ thống giám sát hải quan nhằm theo dõi nghiêm ngặt hoạt động xuất nhập khẩu phế liệu kim loại, bao gồm thép, nhôm và đồng. Đây là tín hiệu quan trọng mà các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành tái chế kim loại hoặc có hoạt động thương mại liên quan cần đặc biệt quan tâm.

Động thái này nằm trong Kế hoạch hành động về thép và kim loại (SMAP) do EC công bố ngày 19/3 nhằm đối phó với nguy cơ thiếu hụt nguyên liệu tái chế và bảo vệ năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp kim loại EU. Một phần trọng tâm của kế hoạch là kiểm soát chặt dòng chảy phế liệu để đảm bảo nguồn cung nội khối, phục vụ mục tiêu cắt giảm 90% lượng khí thải nhà kính ròng vào năm 2040.

EC cho biết lượng phế liệu kim loại sẵn có tại EU đang giảm, một phần do hiện tượng "rò rỉ phế liệu" sang các nước thứ ba. Trong bối cảnh giá nguyên liệu thô toàn cầu tăng cao và Mỹ áp thuế 50% lên nhiều sản phẩm thép, nhôm (trừ phế liệu), việc xuất khẩu phế liệu từ EU sang các quốc gia như Việt Nam có thể ngày càng bị kiểm soát và siết chặt hơn nữa.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu phế liệu từ EU, cần lưu ý rằng EC sẽ sử dụng hệ thống giám sát hải quan để thu thập dữ liệu chi tiết về từng loại phế liệu xuất khẩu. Những thông tin này có thể được dùng để đưa ra biện pháp thương mại hạn chế xuất khẩu nếu nhận thấy nguy cơ thiếu hụt trong nội khối. Ngoài ra, EC cũng đang phối hợp với các bên trong ngành để phân loại phế liệu kỹ hơn, điều này có thể dẫn đến quy chuẩn xuất khẩu ngặt nghèo hơn trong tương lai gần.

EC sẽ đánh giá tình hình dựa trên số liệu xuất nhập khẩu và có thể đưa ra các biện pháp bổ sung nếu cần thiết. Số liệu thương mại được cập nhật hàng tháng, tạo điều kiện cho việc điều chỉnh chính sách nhanh chóng.

Các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động theo dõi tình hình và chuẩn bị sẵn phương án ứng phó trong trường hợp EU áp dụng các biện pháp kiểm soát thương mại chặt chẽ hơn, bao gồm khả năng hạn chế hoặc yêu cầu bổ sung về chất lượng và truy xuất nguồn gốc phế liệu nhập khẩu từ khối này.



Vụ Phát triển Thị trường nước ngoài

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Nghĩa Đô, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574